

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2020/HSST
Ngày 30/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng

2. Bà Thân Thị Tuyết Nhung

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh, cán bộ Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 30/7/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 101/2020/HSST ngày 02 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1988;

- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Số nhà A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Văn Q và bà Đinh Thị N; vợ là Trần Thị H và 02 con.

- Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:**

- Anh Nguyễn Thế L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số nhà B, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- 1, Anh Đoàn Tiến H, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường Đ thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)
- 2, Anh Hoàng Văn H sinh năm 1987;
Địa chỉ: Thôn Đ xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)
- 3,Chị Trần Thị H, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Số nhà A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)
- 4,Bà Đinh Thị N sinh năm 1958;
Địa chỉ: Số nhà A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)
- 5,Chị Nguyễn Việt H, sinh năm 1969;
Địa chỉ: Số C, L phường V, quận H, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Khoảng đầu tháng 10 năm 2019, do vay nợ nhiều không có tiền trả, Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1988, trú tại số nhà A, phường T, thành phố B đã nảy sinh ý định mượn xe ô tô của người quen đem cầm cố lấy tiền trả nợ. Khoảng 18 giờ ngày 02/10/2019, D gọi điện cho anh Đoàn Tiến H sinh năm 1981 trú tại tổ dân phố Mai Độ, phường Đ, thành phố B nói dối về việc xe ô tô của H đang cầm cố (thực chất D đã bán xe từ lâu), D hỏi mượn xe ô tô của anh H để đem đi cầm cố đổi lấy xe của D ra để cho bố mẹ D yên tâm. D hẹn hai ngày sau sẽ trả lại xe cho anh H. Do quen biết với D từ lâu nên anh H đồng ý cho D mượn chiếc xe ô tô Toyota Vios E biển kiểm soát 98A-115.80 để đi cầm cố. Khoảng 20 giờ cùng ngày 02/10/2019, D đi chiếc xe 98A-115.80 đến nhà anh Hoàng Văn H1, sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang đặt vấn đề cầm cố xe vay tiền, anh H1 đồng ý. Khi giao dịch, D có viết và ký vào giấy biên nhận vay số tiền 50.000.000 đồng, để lại chiếc xe ô tô Vios làm tin, hẹn đến ngày 05/10/2019 trả tiền. Anh H1 đã đưa cho D số tiền 49.000.000 đồng sau khi đã trừ 1.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền có được từ việc cầm cố xe 98A-115.80, D đã trả nợ ngân hàng 12.000.000 đồng và đưa cho vợ là chị Trần Thị H số tiền 37.000.000 để trả cho bà Trần Thị M, sinh năm 1968, trú tại số nhà A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Buổi sáng ngày 04/10/2019, D có nhận được điện thoại của chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1979, trú tại số nhà C, phường V, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh- là thím của D bảo D chở đi có việc. D đã gọi điện cho anh Nguyễn Thế L, sinh năm 1972, trú tại số nhà 09, ngách 29, ngõ 190, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang hỏi mượn xe ô tô để đi chở khách. Do cùng là lái xe quen biết từ lâu, anh L

đồng ý cho D mượn xe ô tô biển kiểm soát 29B-052.26 nhãn hiệu FORD TRANSIT. Đến buổi chiều cùng ngày, sau khi chở khách xong, do anh H yêu cầu trả xe Vios 98A-115.80 và không có tiền chuộc xe nên D đã mang xe ô tô FORD TRANSIT 29B-052.26 của anh L đi cầm cố cho anh H1 để đổi lấy xe ô tô Vios 98A-115.80 mang về trả cho anh H. Khi đổi xe, D và anh H1 không viết giấy tờ gì. Sau đó đến ngày 06/10/2019, anh L yêu cầu D mang xe ô tô về trả. Do không có tiền chuộc xe nên D lại nảy sinh ý định mượn xe của anh H đem cầm cố cho anh H1 để đổi lấy chiếc xe ô tô của anh L ra. D đã nói dối anh H là mượn xe để đi chở khách. Do tin tưởng nên anh H đồng ý cho D mượn. Sau khi mượn được xe của anh H thì D đem đến chỗ anh H1 để đổi xe về trả cho anh L. Đến ngày 08/10/2019, anh H yêu cầu D mang xe về trả. Do không có tiền chuộc xe nên D lại nảy sinh ý định mượn xe ô tô của anh L đem đi cầm cố để đổi lấy xe về cho anh H. D đã nói dối anh L mượn xe để đi chở khách, anh L đồng ý. D sử dụng xe ô tô của anh L làm tài sản hoán đổi để lấy xe ô tô về trả cho anh H. Đến ngày 09/10/2019, anh L yêu cầu D trả xe thì D báo lại đã mang xe đi cầm cố để vay 50.000.000 đồng nhưng không nói rõ cầm cố ở đâu và xin khẩn thời gian để chuộc xe. Sau đó, anh L gọi điện đòi xe nhiều lần nhưng D không trả xe.

Đến ngày 02/11/2019, anh L làm đơn trình báo gửi Công an thành phố B.

Ngày 08/11/2019, anh H1 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chiếc xe ô tô nhãn hiệu biển kiểm soát 29B-052.26, nhãn hiệu FORD TRANSIT, loại xe 16 chỗ cùng giấy tờ xe. Ngày 09/11/2019, anh H1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 giấy vay tiền đề ngày 02/10/2019 (ký hiệu giám định A).

Đến ngày 09/11/2019, Nguyễn Ngọc D đến Công an thành phố B đầu thú.

Tại kết luận định giá tài sản số 168/KL-HĐĐG ngày 13/11/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc xe ô tô có biển kiểm soát 29B-052.26, nhãn hiệu FORD TRANSIT (loại xe khách 16 chỗ ngồi), số máy RATORQ4D243H, số khung TGMCDDBR29269, màu sơn ghi vàng, sản xuất năm 2013, đã qua sử dụng và qua dịch vụ cho thuê xe tự lái và có lái, có trị giá 350.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 168A/KL-HĐĐG ngày 14/11/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc xe ô tô có biển

kiểm soát 98A-115.80, nhãn hiệu TOYOTA VIOS, số máy 2RNX066964, số khung 9F34G5003121, màu sơn bạc, sản xuất năm 2016, đã qua sử dụng cho thuê xe tự lái và có lái, có trị giá 330.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 278/KL-KTHS ngày 06/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A- trừ chữ ký, chữ viết ở các mục: Tôi có vay của anh chị, địa chỉ, CMND số, số tiền, bằng chữ, người cho vay) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Ngọc D trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1-M4) là do cùng một người ký, viết ra.

Ngày 30/11/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe biển kiểm soát 29B-052.26 cùng giấy tờ xe cho anh L, anh L không yêu cầu bồi thường gì và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho D

Đối với hành vi của Nguyễn Ngọc D nói dối để mượn xe Vios 98A-115.80 của anh H mang đi cầm cố vay tiền nhưng D không có ý thức chiếm đoạt chiếc xe và đã trả lại chiếc xe cho anh H nên không cấu thành tội phạm, anh H không yêu cầu D phải bồi thường dân sự.

Quá trình điều tra, ngày 27/02/2020, bà Đinh Thị Nhân, sinh năm 1958, trú tại số nhà 01 ngõ 121 đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là mẹ ruột của D đã tự nguyện bồi thường cho anh H1 số tiền là 50.000.000 đồng để bồi thường khắc phục thiệt hại thay cho Nguyễn Ngọc D. Đến nay bà Nhân không yêu cầu gì. Hiện nay anh H1 không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho D.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 107/CT-VKS ngày 01/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Nguyễn Ngọc D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí tòa án, xử phạt: Nguyễn Ngọc D từ năm 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù, thời gian tù tính từ ngày 09/11/2019.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo vì bị cáo không có nghề và thu nhập ổn định.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa xác định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi và quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình tiến hành tố tụng đã có đầy đủ lời khai, việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc xét xử, nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt họ.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của nhân chứng và vật chứng thu giữ được đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 ngày 08/10/2019, tại phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Ngọc D có hành dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt chiếc xe ô tô biển kiểm soát 29B-052.26 của anh Nguyễn Thế L. Như vậy, HĐXX đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội này được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của người khác về tài sản, do đó phải xử lý bằng pháp luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Ngọc D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo sau khi phạm tội đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mẹ bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để lấy xe về trả lại cho bị hại. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, tại phiên tòa hôm nay bà Nhân cũng có ý kiến xin giảm nhẹ cho bị cáo, bố bị cáo được Hội Đồng Nhà Nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang, hiện tại bị cáo có hoàn cảnh éo le, bị cáo có

02 con nhỏ trong khi đó vợ bị cáo bỏ đi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, bởi vậy cần áp dụng tính khoan hồng đối với người đầu thú, thành khẩn khai báo để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi lượng hình và quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[7] Trong tình hình hiện nay tại địa phương, tội phạm về “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đang có chiều hướng gia tăng, gây nhức nhối trong cuộc sống của nhân dân. Bị cáo D đã trưởng thành, bị cáo thừa biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì cần tiền để sử dụng cá nhân như trả nợ nên đã bằng thủ đoạn gian dối mượn xe ô tô là tài sản có trị giá 350.000.000 đồng mang đi cầm cố vay số tiền 50.000.000 đồng. Chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật, do đó cần phải có một mức án nhất định bắt bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, hoàn cảnh của bị cáo có phần éo le nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trong vụ án này, còn có anh Hoàng Văn H1 có hành vi nhận cầm cố chiếc xe ô tô biển kiểm soát 98A-115.80 và xe ô tô có biển kiểm soát 98B-052.26 nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý. Nhưng hành vi của anh H1 đã vi phạm quy định về kinh doanh có điều kiện, Viện kKieemr sát nhân dân thành phố B kiến nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với anh H1.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xét xử, xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì sự vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc xét xử.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d khoản 1 Điều 3; Điều 50; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 292 Bộ Luật tố tụng hình sự. Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc D 05 năm tù, thời gian tù tính từ ngày 09/11/2019.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện thành phố B;
- Chi Cục THADS thành phố B;
- Lưu VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Phách

